

Vĩnh Long, ngày 17 tháng 4 năm 2026

## THÔNG BÁO

**Về việc các hộ dân bị ảnh hưởng chưa nhận tiền bồi thường đến Chi nhánh quỹ đất khu vực 1 nhận tiền bồi thường bởi dự án Mở rộng, nâng cấp đô thị Việt Nam – Tiểu dự án thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long**

Kính gửi: - Các Hộ dân bị ảnh hưởng (Theo danh sách đính kèm);  
- Chi nhánh phát triển quỹ đất khu vực 1.

Căn cứ Công văn số 902/TTg-QHQT ngày 16/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc Khung chính sách Dự án “Mở rộng, nâng cấp đô thị Việt Nam”, vay vốn WB;

Căn cứ Quyết định số 363/QĐ-TTg ngày 23/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam”, vay vốn WB;

Căn cứ Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt dự án “Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - tiểu dự án thành phố Vĩnh Long”, vay vốn WB;

Căn cứ Quyết định số 2411/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - tiểu dự án thành phố Vĩnh Long, vay vốn WB;

Căn cứ Quyết định số 2382/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt kế hoạch tái định cư dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam – Tiểu dự án thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Công văn số 1325/UBND-KTN ngày 16/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc chấp thuận giải quyết đối với tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư người dân chưa nhận, thuộc dự án “Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Vĩnh Long” (Dự án), được gửi vào tài khoản tạm giữ (TK ký quỹ) tại ngân hàng thương mại.

Ban Quản lý dự án dân dụng và công nghiệp tỉnh Vĩnh Long thông báo đến các hộ chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do bị ảnh hưởng bởi Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam – Tiểu dự án thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long đến Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Vĩnh Long – Chi nhánh phát triển quỹ đất khu vực 1, địa chỉ: 153, Phạm Hùng, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long. Điện thoại liên hệ: 02703.836.893 để làm thủ tục nhận tiền. Thời gian nhận tiền chậm nhất đến hết ngày 30/6/2026.

Ban Quản lý dự án dân dụng và công nghiệp tỉnh Vĩnh Long thông báo

đề cấp thẩm quyền và các đơn vị có liên quan được biết./.

*Đính kèm danh sách các hộ chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do bị ảnh hưởng bởi Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam – Tiểu dự án thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.*

***Nơi nhận:***

- Như kính gửi;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, QLDA1.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trần Quốc Dinh**

**DANH SÁCH CÁC HỘ DÂN CHƯA NHẬN TIỀN BTHT-TĐC CỦA DỰ ÁN MỞ RỘNG  
NÂNG CẤP ĐÔ THỊ VIỆT NAM - TIÊU DỰ ÁN TPVL, TỈNH VINH LONG**

*Đơn vị: đồng*

Stt	Nội dung	Địa chỉ	Số tiền	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>1.449.799.067</b>	
<b>Hạng mục : Nâng cấp Lia 3</b>				
	<b>TỔNG</b>		<b>113.612.727</b>	
<b>I</b>	<b>Quyết định số 2315 ngày 25/5/2022</b>		<b>39.294.708</b>	
<b>I.1</b>	<b>Thanh toán trực tiếp cho hộ dân</b>		<b>39.294.708</b>	
1	Ông Đào Văn Quý (chết)	181A, Hoàng Hoa Thám, P2	22.101.120	STT đất 18
2	Bà Phạm Ngọc Hoa (chết)	9/1A, Khóm 7, Phường 2	9.738.145	STT đất 26, tài sản
3	Lê Ngọc Loan Trâm	71B Đường 2/9 P1.TPVL	2.291.560	STT đất 32
4	Nguyễn Văn Nét	12 K7 Lê Thái Tổ P2 TPVL	5.163.883	STT tài sản 167
<b>II</b>	<b>Quyết định số 1008 ngày 07/3/2023</b>		<b>68.016.229</b>	
<b>II.1</b>	<b>Thanh toán trực tiếp cho hộ dân</b>		<b>68.016.229</b>	
5	Bà Đinh Thị Kim Hà	33, K7, P3	17.581.760	STT đất 5
6	Bà Ngô Thị Sâm (chết)	21, K7, P4	14.734.080	STT đất 6
7	Bà Trần Thị Mỹ Hân	70/1B, K6, P2	17.581.760	STT đất 7
	Trần Thị Mỹ Hân		17.248.276	STT tài sản 3
8	Võ Tấn Đạt	9/26 Cây Kê, K7, P2	870.353	STT tài sản 9
<b>III</b>	<b>Quyết định số 1451 ngày 04/4/2023</b>		<b>6.301.790</b>	
9	Ông Ngô Tâm Đáng	14/29, K7, P2	6.301.790	STT đất 1
<b>Hạng mục : Nâng cấp Lia 1</b>				
	<b>TỔNG</b>		<b>171.827.879</b>	
<b>I</b>	<b>Quyết định số 1299 ngày 25/3/2022</b>		<b>171.827.879</b>	
<b>I.1</b>	<b>Thanh toán trực tiếp cho hộ dân</b>		<b>171.827.879</b>	
10	Hộ ông Nguyễn Bá Sanh	44/7, khóm 3, phường 2	40.921.000	STT đất 24
	Nguyễn Bá Sanh		9.726.212	STT tài sản 89
11	Hộ bà Hồ Thị Hồng Anh + ông Trừ Thành Xếp	44/7A, khóm 3, phường 2	45.831.520	STT đất 25, tài sản
	Trừ Thành Xếp + Hồ Thị Hồng Anh		9.521.473	tài sản 90
12	Nguyễn Văn Liêm	46 K3 Nguyễn Huệ P2 TPVL	6.193.324	STT tài sản 150
13	Nguyễn Ngọc Thanh	52/172 K4 P2 TPVL	527.486	STT tài sản 160
14	Nguyễn Thị Miên	72 Nguyễn Huệ P2 TPVL	2.590.844	STT tài sản 161

15	Ông Võ Phước Thành	52/84/26, khóm 4, phường 2	20.624.040	STT đất 74
16	Ông Lê Văn Cảnh	52/84/103B, khóm 4, phường 2	9.975.600	STT đất 95
17	Ông Phan Thanh Tùng	48/4A, Phước Nguơn, Phước Hậu	25.916.380	STT đất 102
<b>Hạng mục : Nâng cấp Lia 4</b>				
<b>TỔNG</b>			<b>41.378.483</b>	
<b>I</b>	<b>Quyết định số 3423 ngày 03/8/2022</b>		<b>41.378.483</b>	
<b>I.1</b>	<b>Thanh toán trực tiếp cho hộ dân</b>		<b>41.378.483</b>	
18	Ông Nguyễn Văn Thu (chết)	Số 25/13, khóm 1, phường 3, TPVL	1.691.100	STT đất 3
19	Ông Nguyễn Đăng Phương Đông + bà Phan Thị Diệu Hiền	khóm 1, phường 3, TPVL	7.609.950	STT đất 70
20	Ông Trần Văn Sơn	18/3F, khóm 1, phường 3, TPVL	4.227.750	STT đất 170
21	Ông Phan Văn Năm	khóm 1, phường 3, TPVL	12.119.550	STT đất 188
22	Bà Lương Thị Nhựt	Số 15/18, khóm 1, phường 3, TPVL	7.328.100	STT đất 236
	Lương Thị Nhựt		5.958.214	STT tài sản 183
23	Nguyễn Thị Ngọc Hương	21/5 K1 P3 TPVL	2.443.819	STT tài sản 266
<b>Hạng mục : Cải tạo sông Kinh Cụt</b>				
<b>TỔNG</b>			<b>701.185.916</b>	
<b>I</b>	<b>Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 07/6/2021</b>		<b>678.685.916</b>	
<b>I.1</b>	<b>Thanh toán trực tiếp cho hộ dân</b>		<b>678.685.916</b>	
<b>Phường 1</b>			<b>144.196.777</b>	
24	Ông Nguyễn Thành Trí Tín	18, Võ Thị Sáu, phường 1	2.000.760	STT đất 1
25	Ông Đoàn Tiến Khải	Nguyễn Du, phường 1	1.000.380	STT đất 30
26	Đoàn Phương Thảo	Nguyễn Du, phường 1	659.358	STT tài sản 29
27	Bà Trần Thị Thuận + Bà Trần Thị Bạch Yến+	39, Nguyễn Du, phường 1	29.692.560	STT đất 56
	Ông Trần Văn Sơn + Ông Trần Thanh Cường+ Ông Trần Văn Hạnh +Bà Trần Anh Phương +Ông Trần Văn Lạc			
28	Ông Đoàn Phú Quốc (chết)	55, Nguyễn Du, phường 1	71.757.020	STT đất 63
	Đoàn Phú Quốc (chết)		11.685.298	STT tài sản 63
29	Ông Võ Văn Tư (chết)+bà Nguyễn Thị Ngọc Sinh	93, Nguyễn Du, phường 1	14.846.280	STT đất 95
	Võ Văn Tư (chết) + Nguyễn Thị Ngọc Sinh		12.555.121	STT tài sản 95
<b>Phường 3</b>			<b>534.489.139</b>	
30	Bà Đỗ Thị Trinh Bạch	47/3, Đường Lê Văn Tám, p1	49.242.880	STT đất 22

31	Bà Trương Thị Thu Cúc	18/7, K1, P3, TPVL	35.680.220	STT đất 31
32	Ông Nguyễn Anh Bằng	19/26A, K1, P3, TPVL	41.518.220	STT đất 52
33	Hộ Lê Minh Anh Thư	104/8 Trưng Nữ Vương, P1, TPVL	241.862.840	STT đất 67
	Lê Minh Anh Thư		166.184.979	STT tài sản 54
<b>II</b>	<b>Quyết định số 1604/QĐ-UBND ngày 13/4/2023</b>		<b>22.500.000</b>	
<b>II.1</b>	<b>Thanh toán trực tiếp cho hộ dân</b>		<b>22.500.000</b>	
34	Bà Đặng Phương Mai	36A, Nguyễn Du, P1, TPVL	22.500.000	STT thuê nhà 3
<b>Hạng mục : Cải tạo sông Cầu Lầu</b>				
	<b>TỔNG</b>		<b>220.022.444</b>	
<b>I</b>	<b>Quyết định số 2651 ngày 18/5/2021</b>		<b>220.022.444</b>	
<b>I.1</b>	<b>Thanh toán trực tiếp cho hộ dân</b>		<b>220.022.444</b>	
	<b>Phường 1</b>		<b>147.323.764</b>	
35	Nguyễn Thị Thanh Loan		26.631.264	STT tài sản 53
36	Bà Nguyễn Thị Trâm Hương	194-Nguyễn Huệ-P1-TP Bến Tre	66.139.490	STT đất 37
37	Ông Trần Minh Cảnh + Bà Nguyễn Thị Em	Ko có địa chỉ trong QĐ	54.553.010	STT đất 38
	<b>Phường 4</b>		<b>72.698.680</b>	
38	Ông Tô Hữu Ngọc (chết)	2/1, Mậu Thân, P3, TPVL	10.337.260	STT đất 1
39	Ông Nguyễn Thanh Hoàng	Ko có địa chỉ trong QĐ	62.361.420	STT đất 29
<b>Hạng mục : Đường ranh</b>				
	<b>TỔNG</b>		<b>189.887.128</b>	
<b>I</b>	<b>Quyết định số 8292 ngày 27/12/2019</b>		<b>179.373.088</b>	
<b>I.1</b>	<b>Thanh toán trực tiếp cho hộ dân</b>		<b>179.373.088</b>	
40	Lê Thị Thúy Liễu	52/84/40, Nguyễn Huệ, Phường 2, TPVL	179.373.088	STT đất 126, tài s
<b>II</b>	<b>Quyết định số 4116 ngày 17/9/2020</b>		<b>5.234.040</b>	
<b>II.1</b>	<b>Thanh toán trực tiếp cho hộ dân</b>		<b>5.234.040</b>	
41	Nguyễn Thị Sinh	130/116A Nguyễn Huệ, Phường 8, TPVL	5.234.040	STT đất 1
<b>III</b>	<b>Quyết định số 4337 ngày 17/8/2021</b>		<b>5.280.000</b>	
<b>III.1</b>	<b>Thanh toán trực tiếp cho hộ dân</b>		<b>5.280.000</b>	
42	Lê Văn Sơn + Phạm Thị Kim Luyến	52/84/19A, Nguyễn Huệ, Phường 2, TPVL	330.000	STT tài sản 10
43	Nguyễn Thị Tuyết Mai	52/84/123, Nguyễn Huệ, Phường 2, TPVL	330.000	STT tài sản 12
44	Cao Thị Bích Vân	130/11/7A, Nguyễn Huệ, Phường 2, TPVL	330.000	STT tài sản 13

45	Lâm Quốc Tuấn	Ấp Phú Tân, xã Phú Lộc, huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long	660.000	STT tài sản 27
46	Trần Kim Ngọc	52/84/103H, Nguyễn Huệ, Phường 2, TPVL	660.000	STT tài sản 29
47	Lê Thị Hồng Vân	52/2/6, Nguyễn Huệ, Phường 2, TPVL	330.000	STT tài sản 31
48	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	52/2/8, Nguyễn Huệ, Phường 2, TPVL	330.000	STT tài sản 32
49	Đỗ Công Khanh+Trần Thị Ngọc Dung	52/24, Nguyễn Huệ, Phường 2, TPVL	330.000	STT tài sản 36
50	Nguyễn Thị Thu Vân	52/82, Nguyễn Huệ, Phường 2, TPVL	660.000	STT tài sản 41
51	Lê Xuân Trường	145-Đường 79-phường Tân Quy-Quận 7-TPHCM	330.000	STT tài sản 51
52	Huỳnh Văn Thanh	6/47D Nguyễn Văn Lâu-P8- TPVL	330.000	STT tài sản 56
53	Lục Thị Ánh Nguyệt	6/3 Nguyễn Văn Lâu-P8- TPVL	330.000	STT tài sản 57
54	Trịnh Lệ Mỹ, Trịnh Lệ Hoa, Trịnh Mỹ Hạnh, Trịnh Lợi Nam	190-Nguyễn Huệ, Khóm 1- Phường 8, TPVL	330.000	STT tài sản 68
<b>Hạng mục : Đường bờ kênh</b>				
	<b>TỔNG</b>		<b>10.084.490</b>	
<b>I</b>	<b>Quyết định số 3881/QĐ-UBND ngày 01/9/2020</b>		<b>6.417.620</b>	
<b>I.1</b>	<b>Thanh toán trực tiếp cho hộ dân</b>		<b>6.417.620</b>	
55	Huỳnh Tấn Hải	259, K3,P3, TPVL	6.417.620	STT đất 3
<b>II</b>	<b>Quyết định số 5321/QĐ-UBND ngày 10/10/2022</b>		<b>3.666.870</b>	
<b>II.1</b>	<b>Thanh toán trực tiếp cho hộ dân</b>		<b>3.666.870</b>	
	<b>Phường 4</b>			
56	Ông Lê Phước Vinh và Bà Lương Thị Phượng	33/7C, Phạm Thái Bường, P4,TPVL	3.666.870	STT đất 3
<b>Dự án liên kết</b>				
	<b>TỔNG</b>		<b>1.800.000</b>	
<b>I</b>	<b>Quyết định số 5931 ngày 08/12/2023</b>		<b>1.800.000</b>	
<b>I.1</b>	<b>Thanh toán trực tiếp cho hộ dân</b>		<b>1.800.000</b>	
57	Bà Trần Lệ Xuân	41D,Khóm Tân Quới Đông, Trường An, TPVL	1.800.000	STT ÔĐDS 1